

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính và Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7135/TTr-STC ngày 01/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính và Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 05/7/2021, Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 05/7/2021, Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 08/12/2023, Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 12/11/2024, Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 (số thứ tự II), Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 10/3/2025, Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 04/8/2025, Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 15/10/2025, Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 (số thứ tự II) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NXH, KT;
- PVHCC: LĐ, các Phòng;
- TT CB&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH VÀ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.115143	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	công nghệ cao, khu kinh tế. Mã TTHC: 1.115144				- Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3.	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế. Mã TTHC: 1.115145	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã TTHC: 1.115146	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5.	Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư. Mã TTHC: 1.115147	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.009645 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</i>)	(1) Trường hợp 1: Áp dụng chung (Điều 35 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (2) Trường hợp 2: Đối với dự án thứ cấp trong khu đô thị, khu du lịch, khu sinh thái mà nhà đầu tư nhận chuyển	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhượng có nhu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 103 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2.	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.009646 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh</i>)	- Áp dụng đối với các trường hợp 1 đến trường hợp 7: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - (*) Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh sau: Trường hợp 8: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - (*) Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh sau: Trường hợp 9: Điều	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
3.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.009642 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</i>)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4.	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.009644 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</i>)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.009659 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</i>)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Mã TTHC: 1.009748 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý</i>)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7.	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Mã TTHC: 1.009759	- Áp dụng đối với các trường hợp 1 đến trường hợp 7: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - (*) Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh sau: Trường hợp 8: Điều	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	(Tên gọi cũ: <i>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý</i>)	chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - (*) Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh sau: Trường hợp 9: Điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ			15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sơ hợp lệ			
8.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế. Mã TTHC: 1.009755 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý</i>)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
9.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Mã TTHC: 1.009770 (Tên gọi cũ: <i>Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Ban Quản lý</i>)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt. Mã TTHC: 2.002725	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
11.	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt. Mã TTHC: 2.002727	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009664) và (2) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009756) thành “<i>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>” (sử dụng mã số 1.009664)	- Trường hợp 1: Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 39 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đã trúng đấu giá, trúng thầu; dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 4 Điều 38 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 4: Đối với dự án thứ cấp trong khu đô thị, khu du lịch, khu sinh thái mà nhà đầu tư nhận chuyển nhượng có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 103 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009647) (2) Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009760) thành “<i>Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>” (sử dụng mã số 1.009647)	- Trường hợp 1: Điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp 2: Điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc nội dung quy định tại khoản 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp 3: Điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 63 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP): 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
14.	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009665) (2) Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009774) thành “<i>Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>” (sử dụng mã số 1.009665)		- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
15.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009671) (2) Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	(Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009773) thành “ <i>Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i> ” (sử dụng mã số 1.009671)				- Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
16.	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009729) (2) Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009775)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thành “ <i>Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp</i> ” (sử dụng mã số 1.009729)				
17.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009731) (2) Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009776) thành “<i>Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC</i>” (sử dụng mã số 1.009731)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009736) (2) Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009777) thành “<i>Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC</i>” (sử dụng mã số 1.009736)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19.	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm: (1) Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009661) (2) Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009771) thành “<i>Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư</i>” (sử dụng mã số 1.009661)		- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
20.	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư Hợp nhất các thủ tục hành chính bao gồm:	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	(1) Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính thực hiện - Mã TTHC: 1.009662) (2) Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (Ban Quản lý thực hiện - Mã TTHC: 1.009772) thành “<i>Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư</i>” (sử dụng mã số 1.009662)				- Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Lý do cắt giảm	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt. Mã TTHC: 2.002726	Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 không còn quy định thủ tục này	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện) Mã TTHC: 1.009756	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009664	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện) Mã TTHC: 1.009760	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009647	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4.	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã TTHC: 1.009774	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009665	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Lý do cắt giảm	Căn cứ pháp lý
			- Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã TTHC: 1.009773	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009671	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6.	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ban Quản lý thực hiện). Mã TTHC: 1.009775	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009729	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7.	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. Mã TTHC: 1.009771	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009661	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Lý do cắt giảm	Căn cứ pháp lý
8.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Mã TTHC: 1.009772	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009662	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
9.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã TTHC: 1.009776	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009731	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã TTHC: 1.009777	Bãi bỏ trên cơ sở hợp nhất với thủ tục hành chính mã số 1.009736	- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; - Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 1165/QĐ-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.